

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19-5-2023.

(V/v: *Không công nhận quan hệ vợ chồng*).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT - TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đỗ Văn Hòa.

2/ Bà Lê Thị Kiều Thu.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Châu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Nhã Uyên – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 75/2023/TLST-HNGĐ ngày 22/02/2023 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 162/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2023 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C – sinh năm 1973

Nơi cư trú: Khu phố 15, phường M, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu H – sinh năm 1969

Nơi cư trú: Khu phố 15, phường M, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại nội dung đơn kiện, bản khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hữu H tự tìm hiểu, quen biết nhau, chung sống vào năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn nhưng có đăng ký cùng hộ khẩu gia đình. Trong thời gian sống chung, tôi làm nghề đầu bếp nhà hàng, ông H làm công nhân du lịch, kinh tế có khó khăn. Vì thời gian gần đây, ông Hoàng không đi làm nữa mà cờ bạc, số đề, uống rượu và bạo lực gia đình, vừa qua đánh bà chấn thương mũi. Năm 2013 bà có làm đơn khởi kiện xin ly hôn nhưng vì chồng con bà có rút đơn để vợ chồng cùng chăm sóc con cái. Vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng tự ly thân nhau 10 năm nay. Tháng 2 năm 2023 cho đến nay, bà về nhà mẹ ruột sinh sống. Nay, bà nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân được nữa. Vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hữu H.

- Về con chung: Chúng tôi có 04 con chung tên Nguyễn Hữu H (nam)– sinh năm 1991, Nguyễn Hữu Th (nam)–sinh năm 1993, Nguyễn Hữu Th (nam)– sinh năm 1995, Nguyễn Thị Thu Nh (nữ)– sinh năm 2004. Các con đã đủ tuổi trưởng thành, muốn ở với ai thì tùy theo ý các con, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà C trình bày: Bà vẫn giữ ý kiến đã trình bày, bà C xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng nhau và đã tự sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: vẫn giữ ý kiến đã trình bày, không thay đổi, bổ sung gì thêm.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải bị đơn ông Nguyễn Hữu H trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Kim C tự nguyện tìm hiểu, sống chung vào năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn từ đó cho đến nay. Vợ chồng sống với nhau cũng không tránh khỏi mâu thuẫn do không có tiếng nói chung nên thường xảy ra cãi vã, đời sống không thể hòa hợp được. Ngoài ra bà C thường xuyên đi đêm về hôm nên vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau. Vợ chồng cũng nhiều lần hòa giải nhưng không thành nên vợ chồng tôi đã tự sống ly thân nhau khoảng 10 năm nay, nhưng vẫn sống chung nhà. Nay bà C làm đơn ly hôn thì tôi đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chúng tôi có 04 con chung tên Nguyễn Hữu H (nam)– sinh năm 1991, Nguyễn Hữu Th (nam)–sinh năm 1993, Nguyễn Hữu Th (nam)– sinh năm 1995, Nguyễn Thị Thu Nh (nữ)– sinh năm 2004. Các con đã đủ tuổi trưởng thành, muốn ở với ai thì tùy theo ý các con, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Hữu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

*** *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*** Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát có ý kiến như sau :

- Về tố tụng: từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Tại phiên tòa hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tiến hành các trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật và chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung: Viện kiểm sát thấy rằng tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã thể hiện hôn nhân của bà Nguyễn Thị Kim C và ông Nguyễn Hữu H, ông bà tự nguyện chung sống vào năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống ông bà hạnh phúc đến khoảng 10 năm nay thì xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn như trước, không ai quan tâm đến ai. Tại biên bản hòa giải ông bà đồng ý ly hôn như vậy chứng tỏ tình cảm vợ chồng của ông bà không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó: căn cứ vào khoản 7 Điều 3, khoản 3 Điều 4, Điều 53, Luật HNGĐ 2014 đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Cúc và ông Hoàng.

Về con chung: Ông bà có 04 con chung tên tên Nguyễn Hữu H (nam)– sinh năm 1991, Nguyễn Hữu Th (nam)–sinh năm 1993, Nguyễn Hữu Th (nam)– sinh năm 1995, Nguyễn Thị Thu Nh (nữ)– sinh năm 2004. Các con đã đủ tuổi trưởng thành, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không có ý kiến.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C, ông H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên VKS không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát thành phố Phan Thiết, hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Kim C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn. Bị đơn là ông Nguyễn Hữu H hiện cư trú tại phường M, thành phố Phan Thiết. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ, nhưng ông Nguyễn Hữu H vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] **Về quan hệ hôn nhân:** ông bà tự nguyện chung sống vào năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, ông bà thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng hạnh phúc đến khoảng 10 năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không còn hợp nhau, không có tiếng nói chung, không còn tôn trọng nhau, thường xuyên cãi vã. Từ khoảng 10 năm nay, vợ chồng sống ly thân nhau, mạnh ai nấy sống. Tại biên bản hòa giải ông bà đồng ý ly hôn. Mặt khác, tại biên bản xác minh địa phương cho biết hiện nay trên hệ thống phần mềm dữ liệu kết hôn tại địa phương không có tên đăng ký Nguyễn Thị Kim C Nguyễn Hữu H. Như vậy chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 7 Điều 3, khoản 3 Điều 4, Điều 14, Điều 53 Luật HNGĐ 2014 Hội đồng xét xử xử không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Kim C và ông Nguyễn Hữu H là quan hệ vợ chồng.

[2.2] **Về con chung:** Ông H, bà Cúc khai có 4 con chung tên Nguyễn Hữu H (nam)– sinh năm 1991, Nguyễn Hữu Th (nam)–sinh năm 1993, Nguyễn Hữu Th (nam)– sinh năm 1995, Nguyễn Thị Thu Nh (nữ)– sinh năm 2004. Các con đã đủ tuổi trưởng thành, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] **Về tài sản chung và nợ chung:** bà C, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét trong vụ án này. Sau này nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Xét đề nghị về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] **Về án phí:** Bà C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ **Căn cứ:** Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 7 Điều 3, khoản 3 Điều 4, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Kim C và ông Nguyễn Hữu H là quan hệ vợ chồng.

2/ Về con chung: Ông H, bà C khai có 4 con chung tên Nguyễn Hữu H (nam)–sinh năm 1991, Nguyễn Hữu Th (nam)–sinh năm 1993, Nguyễn Hữu Th (nam)–sinh năm 1995, Nguyễn Thị Thu Nh (nữ)–sinh năm 2004. Các con đã đủ tuổi trưởng thành, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

4/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Ngày 22/02/2023, bà C đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết thu theo biên lai số 0015432, nay chuyển sang án phí và sung công quỹ nhà nước. Bà C đã nộp đủ tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, đối với bà Nguyễn Thị Kim C kể từ ngày tuyên án (19/5/2023), đối với ông Nguyễn Hữu H kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Viện kiểm sát nhân dân Phan Thiết;
- Tòa án tỉnh Bình Thuận;
- UBND phường M, tp. Phan Thiết, BT;
- Chi cục Thi hành án dân sự tp. Phan Thiết;
- Lưu.

Phan Thị Thái